

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2009	13 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000640 ngày 13 tháng 2 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 05 lần được cấp các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung về việc tăng vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 12 tháng 1 năm 2010 là: 40.000.000.000 VND

Cơ cấu vốn góp điều lệ:

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	20.400.000.000	51,0%
Phạm Minh Hùng	2.000.000.000	5,0%
Phạm Trí Dũng	81.000.000	0,2%
Các cổ đông khác	17.519.000.000	43,8%
Cộng	40.000.000.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc - Thạch Thất - Hà Nội
Điện thoại : 0433 601 860
Fax : 0433 688 305
E-mail : stonevietnam@gmail.com
Mã số thuế : 0 5 0 0 5 5 5 9 1 6

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng
- Sản xuất, mua bán sơn, khóa, bản lề, cửa, đồ sành sứ, thủy tinh, pha lê, thiết bị vệ sinh, hàng cơ khí;
- Sản xuất, gia công, mua bán phôi thép, thép các loại;
- Sản xuất, mua bán các sản phẩm trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất, chế biến, mua bán gỗ, đồ gỗ (trừ các loại gỗ nhà nước cấm);
- Sản xuất, mua bán vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y);
- Sản xuất và mua bán hàng dệt, may mặc, đồ da, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành cơ khí, xây dựng; mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành dệt, may mặc, đồ da;
- Mua bán, sửa chữa thiết bị, linh kiện, phương tiện giao thông vận tải;
- Mua bán rượu, bia, thuốc lá, đồ mỹ nghệ, đồ giải khát, đồ gia dụng, điện, điện tử, điện lạnh;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi, giải trí: cầu lông, bóng bàn, bi-a, tennis (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng, kỹ thuật;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Chuyển giao công nghệ;
- Khai thác, chế biến các loại khoáng sản;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đầu tư phát triển nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Kinh doanh Bất động sản.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 26).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hồ Xuân Năng	Chủ tịch	22 tháng 01 năm 2007	
Ông Đào Duy Ninh	Thành viên	22 tháng 01 năm 2007	26 tháng 06 năm 2008
Ông Phạm Trí Dũng	Thành viên	22 tháng 01 năm 2007	
Ông Phùng Văn Toàn	Thành viên	26 tháng 06 năm 2008	
Ông Phạm Minh Hùng	Thành viên	26 tháng 06 năm 2008	
Ông Lưu Công An	Thành viên	26 tháng 06 năm 2008	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phùng Văn Toàn	Giám đốc	01 tháng 04 năm 2008	18 tháng 10 năm 2009
Ông Lưu Công An	Giám đốc	18 tháng 10 năm 2009	
Ông Phùng Văn Toàn	Phó Giám đốc	18 tháng 10 năm 2009	
Ông Ninh Quốc Cường	Phó Giám đốc	18 tháng 10 năm 2009	
Ông Phạm Minh Hùng	Phó Giám đốc	01 tháng 06 năm 2009	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lương Xuân Mẫn	Trưởng ban	26 tháng 06 năm 2008	
Ông Trịnh Quốc Hùng	Thành viên	26 tháng 06 năm 2008	
Bà Nguyễn Phương Thúy	Thành viên	26 tháng 06 năm 2008	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Lưu Công An 
Ngày 30 tháng 01 năm 2010

ĐƯỢC CHẤM DẤU VÀ CHỮ KÝ



www.audiconsult.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters	: 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City	- Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-8) 3 8272 300
Branch in Hanoi	: 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City	- Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 3 7367 859
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa	: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City	- Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3 875 327
Branch in Can Tho	: 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City	- Tel: (071) 03764 995 - Fax: (84-71) 03764 996

Số: 18/2010/BCTC-KTTV-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 30 tháng 01 năm 2010, từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên



Bùi Thị Ngọc Lan
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0300/KTV
Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2010

Lê Thùy Anh Xuân
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0943/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.606.554.480	7.149.036.320
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.076.755.324	2.673.860.964
1. Tiền	111	V.1	1.076.755.324	2.673.860.964
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.500.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.500.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.019.188.398	2.166.537.272
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	1.986.534.536	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	2.166.537.272
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	32.653.862	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.598.595.657	957.156.104
1. Hàng tồn kho	141	V.5	1.598.595.657	957.156.104
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		412.015.101	1.351.481.980
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	77.010.292	443.313.651
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		230.184.959	840.549.756
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	6.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	104.819.850	61.618.573



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.452.992.973	28.313.008.697
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.626.239.914	27.983.589.902
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	31.610.639.914	17.848.158.443
<i>Nguyên giá</i>	222		35.272.585.895	18.073.249.052
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.661.945.981)	(225.090.609)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	15.600.000	-
<i>Nguyên giá</i>	228		18.000.000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.400.000)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	10.135.431.459
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.826.753.059	329.418.795
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.826.753.059	329.418.795
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		43.059.547.453	35.462.045.017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.588.129.632	5.887.929.942
I. Nợ ngắn hạn	310		1.252.211.432	2.745.012.565
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	667.405.200	-
2. Phải trả người bán	312	V.12	451.636.284	1.783.606.123
3. Người mua trả tiền trước	313		-	337.239.264
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	13.033.998	11.546.225
5. Phải trả người lao động	315		115.843.437	87.115.862
6. Chi phí phải trả	316		-	455.891.666
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	4.292.513	69.613.425
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.335.918.200	3.142.917.377
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	2.335.918.200	3.142.917.377
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.471.417.821	29.574.115.075
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	39.471.417.821	29.574.115.075
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(82.769.528)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(445.812.651)	(425.884.925)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		43.059.547.453	35.462.045.017

20
 CHỦ
 CÔNG
 HỮU
 TOÁN
 TÀI
 HÀ
 Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2	2
Euro (EUR)		32	5.732,86
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoàn

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2010



Lưu Công An

ĐC
HÀ
G T
M H
VÀ
AI
N O
-TE

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	9.746.456.057	2.230.619.013
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9.746.456.057	2.230.619.013
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	6.758.732.983	1.574.983.081
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.987.723.074	655.635.932
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	92.776.966	311.476.413
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	321.077.894	575.750.873
Trong đó: chi phí lãi vay	23		191.798.155	309.233.790
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	283.987.308	108.069.787
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2.536.147.909	703.216.248
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(60.713.071)	(419.924.563)
11. Thu nhập khác	31		72.589.343	15.788.214
12. Chi phí khác	32		11.876.272	1.607.253
13. Lợi nhuận khác	40		60.713.071	14.180.961
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-	(405.743.602)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		19.927.726	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(19.927.726)</u>	<u>(405.743.602)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>(6)</u>	<u>(215)</u>

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoàn

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2010



Lưu Công An

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		-	(405.743.602)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.441.307.661	222.489.682
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		82.510.502	154.165.607
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(263.133.644)
- Chi phí lãi vay	06		191.798.155	309.233.790
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.715.616.318	17.011.833
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		511.901.944	(2.141.915.626)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(641.439.553)	(957.156.104)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.745.495.827)	(699.201.669)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.131.030.905)	(762.832.446)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(191.798.155)	(840.030.909)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(13.927.726)	(3.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		503.826.096	(5.387.124.921)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.296.057.729)	(19.783.897.209)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.500.000.000)	(3.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.868.543.916
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	587.976.318
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.796.057.729)	(11.827.376.975)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		10.000.000.000	18.393.898.032
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		750.000.000	9.155.185.362
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.054.985.177)	(9.917.550.046)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>9.695.014.823</i>	<i>17.631.533.348</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.597.216.810)	417.031.452
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.673.860.964	2.259.686.990
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		111.170	(2.857.478)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.076.755.324	2.673.860.964

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoàn



Lưu Công An

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, gia công, dịch vụ
3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm: Gia công, chế tác đá

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao năm 2009</u>	<u>Số năm khấu hao năm 2008</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	11	6
Máy móc và thiết bị	8	6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5	3 - 5

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 06 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

9. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2009:	17.941	VND/USD
	25.723,81	VND/EUR

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2009 công ty không phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi cung cấp dịch vụ chế tác đá thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

10/10/2009

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	341.408.833	501.056.019
Tiền gửi ngân hàng	735.346.491	2.172.804.945
Cộng	<u>1.076.755.324</u>	<u>2.673.860.964</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex vay ngắn hạn với lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay 03 tháng.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công vàng	278.357.876	-
Công ty TNHH Việt Hà	12.984.950	-
Công ty Cổ phần Vạn Điểm	7.063.200	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và nội thất TCT	104.115.465	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất nội thất KB	12.765.500	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại Thiên Hưng	9.032.400	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại TTT	61.545.318	-
Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	846.153.839	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại Đại Quang	82.996.420	-
Công ty Cổ phần Nội thất Karador Việt nam	6.788.000	-
Công ty TNHH Falcon Việt Nam	46.450.000	-
Công ty TNHH Thu Anh	345.053.100	-
Công ty TNHH Dịch vụ 179	3.000.000	-
Hợp tác xã An Phú	35.691.160	-
Khách hàng lẻ	134.537.308	-
Cộng	<u>1.986.534.536</u>	<u>-</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu lãi của Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex cho khoản vay ngắn hạn	17.000.000	-
Phải thu tiền bảo hiểm thất nghiệp của CBCNV	9.653.862	-
Phải thu tiền bồi thường thiệt hại	6.000.000	-
Cộng	<u>32.653.862</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	205.113.056	28.367.246
Công cụ, dụng cụ	1.151.522.742	928.788.858
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	241.959.859	-
Cộng	1.598.595.657	957.156.104

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí CCDC xuất dùng	443.313.651	349.862.916	719.655.692	73.520.875
Chi phí sửa chữa xe ô tô	-	10.300.000	10.300.000	-
Phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự	-	9.663.000	6.173.583	3.489.417
Chi phí quảng cáo	-	25.920.000	25.920.000	-
Cộng	443.313.651	395.745.916	762.049.275	77.010.292

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Là khoản tạm ứng của CBCNV	104.819.850	61.618.573

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
BAO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.214.597.831	10.910.445.238	1.868.901.512	79.304.471	18.073.249.052
Tăng trong năm	16.390.135.905	971.655.407	-	24.692.350	17.386.483.662
+ Mua sắm mới	-	971.655.407	-	24.692.350	996.347.757
+ Đầu tư XDCB hoàn thành	16.390.135.905	-	-	-	16.390.135.905
Giảm trong năm	164.253.681	22.893.138	-	-	187.146.819
Chuyển sang công cụ dụng cụ	164.253.681	-	-	-	164.253.681
Giảm khác	-	22.893.138	-	-	22.893.138
Số cuối năm	<u>21.440.480.055</u>	<u>11.859.207.507</u>	<u>1.868.901.512</u>	<u>103.996.821</u>	<u>35.272.585.895</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	72.424.969	103.922.622	38.386.944	10.356.074	225.090.609
Tăng do khấu hao trong năm	1.803.709.515	1.365.993.229	247.033.596	22.171.321	3.438.907.661
Giảm trong năm	-	(2.052.289)	-	-	(2.052.289)
Số cuối năm	<u>1.876.134.484</u>	<u>1.467.863.562</u>	<u>285.420.540</u>	<u>32.527.395</u>	<u>3.661.945.981</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.142.172.862	10.806.522.616	1.830.514.568	68.948.397	17.848.158.443
Số cuối năm	<u>19.564.345.571</u>	<u>10.391.343.945</u>	<u>1.583.480.972</u>	<u>71.469.426</u>	<u>31.610.639.914</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 3.050.788.517 VND và 2.659.188.764 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Dầu tư và Phát triển tỉnh Hà Tây.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm kế toán

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	18.000.000	2.400.000	15.600.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	18.000.000	2.400.000	15.600.000

10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí thành lập doanh nghiệp	9.625.000	-	3.300.000	6.325.000
Chi phí Công cụ dụng cụ	319.793.795	603.634.570	306.471.279	616.957.086
Tiền thuê đất	-	1.520.000.000	381.583.333	1.138.416.667
Chi phí đồ đất trồng cây	-	66.913.000	1.858.694	65.054.306
Cộng	329.418.795	2.190.547.570	693.213.306	1.826.753.059

11. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản nợ dài hạn đến hạn trả của khoản vay dài hạn Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Hà Tây.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	-	750.000.000	-	750.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả Chi nhánh ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Hà Tây	-	-	667.405.200	-	667.405.200
Cộng	-	750.000.000	667.405.200	750.000.000	667.405.200

12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Phần mềm quản lý doanh nghiệp	1.799.800	-
Bưu điện huyện Thạch Thất	-	1.539.400
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	169.605.866	1.714.604.847
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	177.450.700	-
Công ty Hữu hạn Shell Gas Hải Phòng	-	7.218.090
Công ty TNHH Thanh Hải Phát	24.088.300	5.888.850
DIALINE S.R.L	-	44.853.158
Nhà máy kính an toàn	-	3.723.500
TNT - Vietrans Express Worldwide (Việt Nam) Ltd	-	4.917.658

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm viễn thông và công nghệ thông tin	-	860.620
Chi nhánh Công ty TNHH Giao nhận Biển Đông	6.319.818	-
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội	41.800.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Hà Nội	26.400.000	-
Trương Thị Lương	4.171.800	-
Cộng	<u>451.636.284</u>	<u>1.783.606.123</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	136.621.280	136.621.280	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	31.509.344	22.296.321	9.213.023
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(6.000.000)	19.927.726	13.927.726	-
Thuế thu nhập cá nhân	11.546.225	16.221.683	23.946.933	3.820.975
Cộng	<u>5.546.225</u>	<u>204.280.033</u>	<u>196.792.260</u>	<u>13.033.998</u>

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu thuế và các khoản phải thu nhà nước.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	(405.743.602)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	(167.853.662)	154.165.607
- Chi phí khấu hao	22.363.538	154.165.607
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	154.165.607
- Các khoản điều chỉnh giảm	(190.217.200)	-
Chênh lệch tỷ giá đã ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2008 nhưng chưa khấu trừ thuế	(154.165.607)	-
Chi phí công cụ dụng cụ đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2008 chưa khấu trừ thuế năm	(36.051.593)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	<u>(167.853.662)</u>	<u>(251.577.995)</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	19.927.726	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>19.927.726</u>	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	3.092.087	12.006.458
Bảo hiểm xã hội	1.200.426	57.606.967
Cộng	4.292.513	69.613.425

15. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay dài hạn Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2007/HĐTD ngày 4/10/2007. Tổng số tiền vay theo hợp đồng là 26.400.000.000 đồng với mục đích là xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất chế tác đá trang trí nội thất. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25 tháng 9 năm 2014.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	667.405.200
Trên 1 năm đến 5 năm	2.335.918.200
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	3.003.323.400

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	3.142.917.377
Tăng do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm	165.391.200
Số tiền vay đã trả trong năm	(304.985.177)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(667.405.200)
Số cuối năm	2.335.918.200

16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
Số dư đầu năm trước	11.284.000.000	(3.817.296)	(20.141.323)	11.260.041.381
Tăng vốn năm trước	18.716.000.000	-	-	18.716.000.000
+ Bằng tiền	18.393.898.032	-	-	18.393.898.032
+ Bằng tài sản	322.101.968	-	-	322.101.968
Chênh lệch tỷ giá giảm trong năm	-	3.817.296	-	3.817.296
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(405.743.602)	(405.743.602)
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	-	(425.884.925)	29.574.115.075
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	-	(425.884.925)	29.574.115.075
Cổ đông góp vốn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Trong đó góp bằng tiền	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(19.927.726)	(19.927.726)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối năm (*)	-	(82.769.528)	-	(82.769.528)
Số dư cuối năm	40.000.000.000	(82.769.528)	(445.812.651)	39.471.417.821

(*): Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm, trong đó:

- Chênh lệch do đánh giá lại các khoản tiền có gốc ngoại tệ thời hạn dưới 1 năm: 111.170 VND

- Chênh lệch do đánh giá lại vay dài hạn có gốc ngoại tệ: 82.658.358 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Là doanh thu bán sản phẩm và dịch vụ gia công chế tác đá	9.746.456.057	2.230.619.013

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Là giá vốn bán sản phẩm và dịch vụ gia công chế tác đá	6.758.732.983	1.574.983.081

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	43.898.185	301.507.502
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	48.878.781	8.770.336
Chiết khấu thanh toán	-	1.198.575
Cộng	<u>92.776.966</u>	<u>311.476.413</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	191.798.155	309.233.790
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.769.237	112.351.476
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	82.510.502	154.165.607
Cộng	<u>321.077.894</u>	<u>575.750.873</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	125.832.391	106.829.787
Chi phí vật liệu, bao bì	1.616.391	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	62.242.355	240.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.288.867	-
Chi phí bằng tiền khác	35.007.304	1.000.000
Cộng	<u>283.987.308</u>	<u>108.069.787</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.047.323.655	331.519.727
Chi phí vật liệu quản lý	12.171.719	26.707.183
Chi phí đồ dùng văn phòng	178.893.733	24.227.472
Chi phí khấu hao TSCĐ	549.729.632	39.070.614
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.379.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	414.603.658	76.598.477
Chi phí bằng tiền khác	330.425.512	201.713.775
Cộng	<u>2.536.147.909</u>	<u>703.216.248</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(19.927.726)	(405.743.602)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(19.927.726)	(405.743.602)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong	3.088.164	1.890.310
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(6)</u>	<u>(215)</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.000.000	1.128.400
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	88.164	761.910
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>3.088.164</u>	<u>1.890.310</u>

11.01.2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	400.703.727	196.795.578

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	Công ty mẹ

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua đá ốp lát	1.426.109.318	186.484.649
Thuế GTGT mua đá ốp lát	142.610.932	18.648.465
Mua vật tư, thiết bị	852.812	128.892.347
Thuế GTGT mua vật tư thiết bị	85.281	7.890.660
Vay vốn lưu động	750.000.000	-
Lãi tiền vay phải trả	20.979.200	58.104.000
Trả triển vay vốn lưu động	750.000.000	-
Cho vay vốn lưu động	4.500.000.000	-
Lãi cho vay vốn phải thu	17.000.000	217.689.200
Doanh thu dịch vụ gia công chế tác đá	5.405.238.138	2.186.630.732
Thuế GTGT dịch vụ gia công chế tác đá	540.523.701	218.663.073
Thu nhập từ bán vật tư	13.504.590	-
Thuế GTGT bán vật tư	1.350.459	-
Thu nhập từ dịch vụ nhân công	61.148.182	-
Thuế GTGT dịch vụ nhân công	6.114.818	-
Phải thu tiền thuê gian hàng hội chợ triển lãm	16.636.364	-
Thuế GTGT thuê gian hàng hội chợ triển lãm	1.663.636	-
Thu tiền dịch vụ đã cung cấp	2.100.000.000	-
Bù trừ công nợ	2.762.786.785	-
Nhận góp vốn	5.100.000.000	15.300.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền dịch vụ gia công chế tác đá	846.153.839	-
Phải thu lãi cho vay ngắn hạn	17.000.000	-
Phải thu tiền cho vay ngắn hạn	4.500.000.000	-
Cộng nợ phải thu	5.363.153.839	-
Tiền thuê đất phải trả	-	315.308.333
Tiền chế tác đá thành phẩm ứng trước	-	337.239.264
Cộng nợ phải trả	-	652.547.597

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

Năm 2009 Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (xem thuyết minh số IV.10). Theo đó, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 82.769.528 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào thu nhập hoặc chi phí như những năm trước.

3. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm Công ty thực hiện điều chỉnh tăng thời gian khấu hao nhà cửa vật kiến trúc từ 6 năm lên 11 năm, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải từ 6 năm lên 8 năm vì thực tế sử dụng cho thấy thời gian khấu hao năm trước chưa hợp lý. Việc thay đổi thời gian khấu hao làm cho chi phí khấu hao năm nay giảm 2.096.303.760 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao năm trước.

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoàn



Lưu Công An

